TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 797/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T; Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Thanh H) ; Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có măt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị H (tên gọi khác Lê Thị Thanh H):* ông Vũ Đình D- luật sư văn phòng luật sư Bạch Đằng, thuộc đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2019 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, anh Phạm Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 26 tháng 10 năm 1998. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 09 năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh Phạm Văn T khai anh và chị Lê Thị H có ba con chung tên là Phạm Thị Thu T sinh ngày 29 tháng 10 năm 1999; Phạm Thị Th sinh ngày 08 tháng 5 năm 2005 và Phạm Thị Hải Y sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010. Hiện con tên Phạm Thị Thu Trang đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hai con tên Phạm Thị Th và Phạm Thị Hải Y đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh và chị H ly thân cho đến nay. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên Phạm Thị Th và Phạm Thị Hải Y. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị để anh và chị Lê Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T khai anh và chị Lê Thị H có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận với nhau, nếu không xong sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 10 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Lê Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Thanh H) khai:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 26 tháng 10 năm 1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 6, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Về mâu thuẫn gia đình, theo chị H, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị và T không có mâu thuẫn gì từ khi kết hôn đến năm 2016. Năm 2017, chị H phát hiện anh T có quan hệ với người phụ nữ khác như vợ chồng, chị khuyên ngăn anh T nhiều lần và đến năm 2018, anh T bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, thỉnh thoảng anh T có về thăm con nhưng khi chị chủ động hỏi thăm, nói chuyện với anh T thì anh T nhất định không

nói. Nay, anh T có đơn xin ly hôn, chị nhận thấy muốn vì gia đình, giữ cho các con về mặt pháp lý nên chị không đồng ý ly hôn. Nếu anh T quyết tâm ly hôn thì chị đợi các con trưởng thành hết thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có ba con chung tên là Phạm Thị Thu Tr sinh ngày 29 tháng 10 năm 1999; Phạm Thị Th sinh ngày 08 tháng 5 năm 2005 và Phạm Thị Hải Y sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010. Hiện con tên Phạm Thị Thu Tr đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; hai con tên Phạm Thị Th và Phạm Thị Hải Y do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị và anh T ly thân cho đến nay. Trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi hai con chung tên Phạm Thị Thanh và Phạm Thị Hải Y. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Thanh H) khai chị và anh T có tài sản chung nhưng chị không đồng ý ly hôn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất phần trình bày của bị đơn, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho anh T và chị H về đoàn tụ với nhau. Ông mong ông Phạm Văn T suy nghĩ lại, vì gia đình, vì các con mà rút đơn khởi kiện về để đoàn tụ. Trường hợp không hòa giải được đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H. Giao con chung tên Phạm Thị Th và Phạm Thị Hải Y cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 26 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay nên anh Phạm Văn T xin ly hôn với chị Lê Thị H. Chị H thừa nhận chị và anh T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhưng vì gia đình, vì các con nên chị không đồng ý ly hôn. Như vậy thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho anh bên kia. Tài liệu xác minh tại UBND xã H, huyện T thể hiện anh T, chị H mâu thuẫn từ năm 2018 do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xúc phạm và cãi mắng nhau. Tuy chị H cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng chỉ từ khi anh T có quan hệ ngoại tình nhưng địa phương xã H chưa lần nào nhận được đơn thư của chị H nhờ hòa giải hay giải quyết đến việc anh T có quan hệ ngoại tình. Chị H cung cấp họ tên, địa chỉ của người phụ nữ mà chị cho rằng có quan hệ ngoại tình với anh T và 02 ảnh chụp chung giữa anh T cùng một bé trai và giữa anh T và người phụ nữ. Tài liệu xác minh thể hiện tại nơi ở của người phụ nữ mà chị H cho rằng có quan hệ ngoại tình với anh T thì Công an phường xác nhận chưa bao giờ giải quyết đến việc người phụ nữ đó có quan hệ bất chính với người đàn ông nào và người phụ nữ đó hiện sống một mình cùng hai con, ngoài ra không chung sống với ai khác. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn T với chị Lê Thị H.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H có ba con chung tên là Phạm Thị Thu Tr sinh ngày 29 tháng 10 năm 1999; Phạm Thị Th sinh ngày 08 tháng 5 năm 2005 và Phạm Thị Hải Y sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010. Khi ly hôn anh Phạm Văn T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Thị Th và Phạm Thị Hải Y; con tên Phạm Thị Thu Tr đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, chị Lê Thị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Thị Th sinh ngày 08 tháng 5 năm 2005 và Phạm Thị Hải Y sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010. Hai con tên Th, và Hải Y đều mong muốn bố mẹ về chung sống với nhau, không muốn bố mẹ bỏ nhau nhưng nếu bố quyết tâm ly hôn mẹ thì hai cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện từ khi ly thân đến nay, chị Lê Thị H là người trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Th và Phạm Thị Hải Y; chị H có điều kiện, khả năng và thời gian để

chăm sóc con chung tốt, con chung đang do chị Lê Thị H nuôi dưỡng, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Phạm Thị Thanh và Phạm Thị Hải Yến cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Phạm Văn T trình bày để tự thỏa thuận và chị Lê Thị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Con chung tên Phạm Thị Thu Trang hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị H và anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Phạm Thị Th sinh ngày 08 tháng 5 năm 2005 và Phạm Thị Hải Y sinh ngày 29 tháng 12 năm 2010 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh Phạm

Văn T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0003072 ngày 07 tháng 10 năm 2019; anh Phạm Văn T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T, chị Lê Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã H, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã